

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

## MỤC LỤC

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	6 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 48

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 5700289499 ngày 29 tháng 11 năm 2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần thay đổi lần 12 ngày 29 tháng 11 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND được chia thành 16.000.000 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	10.459.404	65,37%
2	Các đối tượng khác	5.540.596	34,63%
<b>Cộng</b>		<b>16.000.000</b>	<b>100%</b>

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

**Hội đồng quản trị:**

Họ và tên:	Chức vụ:	
- Ông Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 01/02/2020)	(i)
- Ông Vũ Văn Khẩn	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 01/02/2020)	(i)
- Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên	
- Ông Đinh Văn Chiến	Ủy viên	
- Ông Trần Phương Nam	Ủy viên	

(i): Theo Nghị quyết 11/NQ-HĐQT ngày 31/01/2020.

**Ban Giám đốc:**

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Vũ Trọng Tuấn	Quyền Giám đốc, Phó Giám đốc
- Ông Đỗ Văn Kiên	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Văn Huy	Phó Giám đốc
- Ông Đặng Xuân Vượng	Phó Giám đốc

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Ban Kiểm soát:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Lịch	Trưởng ban
- Bà Dương Thị Thu Phong	Thành viên
- Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại: phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, ngoài thông tin trên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ngày 20/12/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Phương án hợp nhất doanh nghiệp; Hợp đồng hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin thành Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV và thông qua Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV ("Công ty hợp nhất"). Theo đó, Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để thực hiện hợp nhất 2 công ty.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành các thủ tục để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp vào ngày 05/08/2020, cụ thể:

- Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu hoán đổi hợp nhất số 137/GCN-UBCK ngày 10/07/2020;
- Thực hiện đăng ký hủy niêm yết cổ phiếu TND và được chấp thuận hủy đăng ký giao dịch từ ngày 04/08/2020 theo Quyết định số 363/QĐ-SGDHN ngày 17/07/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

Theo phương án hợp nhất đã được thông qua, Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công ty hợp nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TCS và TND lấy cổ phiếu của Công ty hợp nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Sau hợp nhất, Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty hợp nhất. Công ty đang thực hiện các thủ tục để hợp nhất theo quy định của pháp luật.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Theo đó về bản chất, hoạt động kinh doanh của các công ty có liên quan trước và sau hợp nhất là hoạt động liên tục, và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**QUYỀN GIÁM ĐỐC** *W*



**VU TRỌNG TUẤN**

Số: 02/2020/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin được lập ngày 03 tháng 08 năm 2020, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 48 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VVMI tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 8.4 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, cung cấp thông tin về việc Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Phương án hợp nhất doanh nghiệp; Hợp đồng hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin thành Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV và thông qua Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV ("Công ty hợp nhất"). Theo đó, Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để thực hiện hợp nhất 2 công ty. Kết luận của kiểm toán viên chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Nguyễn Hồng Quang**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán 0576-2018-242-1

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>376.080.997.238</b>	<b>398.425.775.837</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5.1</b>	<b>260.395.218</b>	<b>644.291.923</b>
Tiền		260.395.218	644.291.923
Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>16.748.171.700</b>
Chứng khoán kinh doanh	5.2	-	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(5.050.828.300)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>870.949.839</b>	<b>232.189.625.291</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.3	151.449.629	231.178.871.183
Trả trước cho người bán ngắn hạn		115.000.000	150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	5.4	604.500.210	860.754.108
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>5.5</b>	<b>255.071.062.148</b>	<b>126.044.862.848</b>
Hàng tồn kho		255.071.062.148	126.044.862.848
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>119.878.590.033</b>	<b>22.798.824.075</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.9	76.163.565.724	18.798.824.076
Thuế GTGT được khấu trừ		41.607.897.590	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.12	2.107.126.719	3.999.999.999
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>884.200.726.346</b>	<b>891.241.811.851</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>37.451.216.133</b>	<b>34.343.559.183</b>
Phải thu dài hạn khác	5.4	37.451.216.133	34.343.559.183
<b>Tài sản cố định</b>		<b>733.448.541.223</b>	<b>738.707.275.256</b>
TSCĐ hữu hình	5.7	731.715.741.223	736.974.475.256
- Nguyên giá		2.528.780.968.049	2.436.956.135.379
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.797.065.226.826)	(1.699.981.660.123)
TSCĐ vô hình	5.8	1.732.800.000	1.732.800.000
- Nguyên giá		2.846.515.014	2.846.515.014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.113.715.014)	(1.113.715.014)
<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>572.503.409</b>	<b>156.290.909</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.6	572.503.409	156.290.909
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>112.728.465.581</b>	<b>118.034.686.503</b>
Chi phí trả trước dài hạn	5.9	68.598.075.297	73.904.296.219
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.15	44.130.390.284	44.130.390.284
Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.260.281.723.584</b>	<b>1.289.667.587.688</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.003.694.504.287</b>	<b>940.448.860.209</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>728.501.264.685</b>	<b>686.860.567.051</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	5.11	227.315.770.492	306.795.461.353
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		120.266.288.121	40.121.070
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	5.12	51.604.931.657	82.328.155.065
Phải trả người lao động		24.807.025.968	52.383.683.530
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.13	56.859.347.539	68.805.000
Phải trả ngắn hạn khác	5.14	263.605.789	425.546.747
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.10	235.927.852.014	235.565.819.530
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.456.443.105	9.252.974.756
<b>Nợ dài hạn</b>		<b>275.193.239.602</b>	<b>253.588.293.158</b>
Phải trả người bán dài hạn	5.11	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
Chi phí phải trả dài hạn		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.10	275.193.239.602	253.588.293.158
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>256.587.219.297</b>	<b>349.218.727.479</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>5.16</b>	<b>256.587.219.297</b>	<b>349.218.727.479</b>
Vốn góp của chủ sở hữu		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		(130.000.000)	(130.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu		-	27.416.985.238
Quỹ đầu tư phát triển		44.783.373.846	44.783.373.846
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		51.933.845.451	117.148.368.395
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước		44.130.390.284	43.563.156.186
- LNST chưa phân phối kỳ này		7.803.455.167	73.585.212.209
Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.260.281.723.584</b>	<b>1.289.667.587.688</b>

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐÀO THỊ MỸ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH VĂN CHIÊN

Q. GIÁM ĐỐC



VŨ TRỌNG TUẤN

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	1.283.040.016.196	1.438.651.835.357
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.283.040.016.196</b>	<b>1.438.651.835.357</b>
Giá vốn hàng bán	6.2	1.215.999.967.089	1.278.595.172.612
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>67.040.049.107</b>	<b>160.056.662.745</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	581.727.562	21.317.182
Chi phí tài chính	6.4	17.988.107.505	29.778.740.656
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.005.983.498	33.048.590.656
Chi phí bán hàng	6.7	893.226.625	702.153.214
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.7	39.812.749.828	86.116.429.423
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.927.692.711</b>	<b>43.480.656.634</b>
Thu nhập khác	6.5	1.338.151.082	2.967.484.328
Chi phí khác	6.6	403.051.867	23.402.891
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>		<b>935.099.215</b>	<b>2.944.081.437</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>9.862.791.926</b>	<b>46.424.738.071</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.9	2.059.336.759	9.299.300.192
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>		<b>7.803.455.167</b>	<b>37.125.437.879</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.10</b>	<b>488</b>	<b>2.320</b>

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Q. GIÁM ĐỐC



ĐÀO THỊ MY

ĐINH VĂN CHIẾN

VŨ TRỌNG TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		9.862.791.926	46.424.738.071
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		97.083.566.703	88.013.016.456
Các khoản dự phòng	03		(5.050.828.300)	414.287.468.287
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.817.044)	(21.317.182)
Chi phí lãi vay	06		23.005.983.498	33.048.590.656
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		124.868.696.783	581.752.496.288
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		188.495.994.192	95.303.213.946
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(129.026.199.300)	(385.014.001.922)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		90.367.638.373	(78.013.772.391)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(52.058.520.726)	35.194.266.544
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		21.799.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.005.983.498)	(33.042.583.025)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(53.410.038.524)	(2.166.087.086)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		13.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.802.947.307)	(8.027.049.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>154.241.139.993</b>	<b>205.986.483.354</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(91.824.832.670)	(87.304.644.670)
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.817.044	21.317.182
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(91.792.015.626)</b>	<b>(87.283.327.488)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	443.030.280.297	313.751.495.116
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(421.063.301.369)	(390.562.130.781)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(84.800.000.000)	(41.837.616.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(62.833.021.072)</b>	<b>(118.648.251.665)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		(383.896.705)	54.904.201
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		644.291.923	468.647.782
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		260.395.218	523.551.983

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



ĐÀO THỊ MỸ

ĐINH VĂN CHIẾN

VŨ TRỌNG TUẤN

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ - BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công Nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 5700289499 ngày 29 tháng 11 năm 2019.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa thiết bị điện tử, quang học;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa biết bị khác;
- Truyền tải và phân phối điện

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, hoạt động chính của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh than. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1360 người, trong đó số cán bộ quản lý là 214 người.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

## **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này cơ bản nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tài chính áp dụng thống nhất trong Tập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3148/TKV-KTTC ngày 01/07/2020 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 23.090 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.300 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.300 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

**4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa	Giá đích danh
- Thành phẩm	Bình quân gia quyền
- Chi phí SXKD dở dang than	Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc:	Từ 5 đến 25 năm
- Máy móc thiết bị:	Từ 3 đến 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	Từ 3 đến 8 năm
- Thiết bị văn phòng:	Từ 3 đến 7 năm

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, Công ty không thực hiện trích khấu hao nhanh. Điều này ước tính làm chi phí ghi nhận trong kỳ giảm đi 7.963.792.705 đồng so với phương pháp năm trước do năm trước Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh hệ số 1,4 lần đối với chủng loại xe Cat773E.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất: Không trích khấu hao (Quyền sử dụng đất lâu dài)
- Phần mềm máy tính: 03 năm
- Vô hình khác: Từ 6 đến 20 năm

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

- + Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- + Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019.

**4.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản, phí phát hành thư bảo lãnh hợp đồng mua điện, bảo hiểm máy móc thiết bị, xe cơ giới, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng). Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

trội được vốn hóa trong từng kỳ tài chính không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 29/11/2019 với mã số doanh nghiệp là 5700289499, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng và được chia thành 16.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	104.594.040.000	104.594.040.000	100%
Các cổ đông khác	55.405.960.000	55.405.960.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**4.14. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.15. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

**4.16. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**4.17. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ tài chính.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	143.299.820	156.436.272
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	117.095.398	487.855.651
Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>Cộng</b>		<b><u>260.395.218</u></b>	<b><u>644.291.923</u></b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	<u>VND</u>
Ngoại tệ	-
Đồng Việt Nam	143.299.820
<b>Cộng</b>	<b><u>143.299.820</u></b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	<u>VND</u>
<b>Đồng Việt Nam</b>	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cẩm Phả	4.018.534
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cẩm Phả	27.899.779
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Cẩm Phả	8.991.035
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Cẩm Phả	1.892.267
Ngân hàng TMCP Petrolimex - CN Cẩm Phả	74.293.783
<b>Ngoại tệ</b>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>117.095.398</u></b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh	-	-	21.799.000.000	16.748.171.700
Công ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả	-	-	21.799.000.000	16.748.171.700
<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>21.799.000.000</b>	<b>16.748.171.700</b>

**5.3 Phải thu khách hàng**

**a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin  
 Các khoản phải thu khách hàng khác

**b. Phải thu của khách hàng dài hạn**

Cộng

**c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Phụ biểu 03**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	151.449.629	-	231.178.871.183	228.663.573.239
	151.449.629	-	2.515.297.944	-
	<b>151.449.629</b>	-	<b>231.178.871.183</b>	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.4 Phải thu khác**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>604.500.210</b>	-	<b>860.754.108</b>	-
Thuế TNCN	-	-	421.800.210	-
Bảo hiểm xã hội	11.891.200	-	-	-
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	146.730.010	-	146.730.000	-
Phải thu khác	445.879.000	-	292.223.898	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>37.451.216.133</b>	-	<b>34.343.559.183</b>	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	33.106.766.096	-	30.548.019.664	-
Lãi ký quỹ BVMT	4.344.450.037	-	3.795.539.519	-
<b>Cộng</b>	<b>38.055.716.343</b>	-	<b>35.204.313.291</b>	-

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.896.496.342	-	1.557.807.568	-
Công cụ, dụng cụ	59.974.000	-	10.339.369.945	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.060.356.870	-	20.711.981.764	-
Thành phẩm	196.054.234.936	-	93.435.703.571	-
<b>Cộng</b>	<b>255.071.062.148</b>	-	<b>126.044.862.848</b>	-

**5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	572.503.409	156.290.909
- Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020 – Mở Khe Chàm II	223.685.227	156.290.909
- Lập bổ sung quy hoạch tỷ lệ 1/500 phục vụ công tác đổ thải	308.000.000	-
- Dự án đầu tư hệ thống phun sương dập bụi di động bán kính phun xa > 100m	40.818.182	-
Sửa chữa	-	-
<b>Cộng</b>	<b>572.503.409</b>	<b>156.290.909</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	674.553.191.134	667.548.401.253	1.087.189.180.824	7.665.362.168	2.436.956.135.379
- Mua trong năm	-	495.204.545	91.329.628.125	-	91.824.832.670
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>674.553.191.134</b>	<b>668.043.605.798</b>	<b>1.178.518.808.949</b>	<b>7.665.362.168</b>	<b>2.528.780.968.049</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư đầu năm	319.266.507.080	503.351.410.538	873.008.532.637	4.355.209.868	1.699.981.660.123
- Khấu hao trong năm	37.359.893.172	24.525.160.658	34.609.655.563	588.857.310	97.083.566.703
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>356.626.400.252</b>	<b>527.876.571.196</b>	<b>907.618.188.200</b>	<b>4.944.067.178</b>	<b>1.797.065.226.826</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	355.286.684.054	164.196.990.715	214.180.648.187	3.310.152.300	736.974.475.256
Tại ngày cuối năm	317.926.790.882	140.167.034.602	270.900.620.749	2.721.294.990	731.715.741.223
- Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:					275.838.264.517
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:					822.990.371.053
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:					35.524.687.371



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	1.732.800.000	502.906.014	610.809.000	2.846.515.014
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.732.800.000</b>	<b>502.906.014</b>	<b>610.809.000</b>	<b>2.846.515.014</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu năm	-	502.906.014	610.809.000	1.113.715.014
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>502.906.014</b>	<b>610.809.000</b>	<b>1.113.715.014</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	1.732.800.000	-	-	1.732.800.000
Tại ngày cuối năm	1.732.800.000	-	-	1.732.800.000
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:				1.113.715.014

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>76.163.565.724</b>	<b>18.798.824.076</b>
Chi phí sửa chữa lớn	13.405.476.774	4.968.692.375
Công cụ, dụng cụ	58.261.087.400	12.437.743.167
Bảo hiểm	4.497.001.550	1.392.388.534
<b>b. Dài hạn</b>	<b>68.598.075.297</b>	<b>73.904.296.219</b>
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	64.446.318.931	69.791.459.390
Phí sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của nhà nước và chi phí dài hạn khác	2.579.360.510	4.048.271.809
Công cụ dụng cụ	1.572.395.856	64.565.020
<b>Cộng</b>	<b>144.761.641.021</b>	<b>92.703.120.295</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2020 (VND)		30/06/2020 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>50.476.076.239</b>	<b>50.476.076.239</b>	<b>353.370.930.297</b>	<b>257.797.261.078</b>
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	-	-	208.267.648.981	141.583.594.154
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	14.000.000.000	14.000.000.000	145.103.281.316	79.737.590.685
NH TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Cẩm Phả	36.476.076.239	36.476.076.239	-	36.476.076.239
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>	<b>438.678.036.449</b>	<b>438.678.036.449</b>	<b>89.659.350.000</b>	<b>163.266.040.291</b>
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>147.286.983.717</i>	<i>147.286.983.717</i>	<i>89.659.350.000</i>	<i>29.908.983.717</i>
NH TMCP Quốc tế - CN Cẩm Phả	3.824.983.717	3.824.983.717	-	3.824.983.717
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	143.462.000.000	143.462.000.000	89.659.350.000	26.084.000.000
<i>Từ trên 5 năm đến 10 năm</i>	<i>291.391.052.732</i>	<i>291.391.052.732</i>	<i>-</i>	<i>133.357.056.574</i>
NH TMCP Á Châu - CN Đông Đô	29.138.041.946	29.138.041.946	-	9.712.691.334
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	106.044.959.240	106.044.959.240	-	106.044.959.240
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	103.842.051.546	103.842.051.546	-	9.201.406.000
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	52.366.000.000	52.366.000.000	-	8.398.000.000
<b>Cộng</b>	<b>489.154.112.688</b>	<b>489.154.112.688</b>	<b>443.030.280.297</b>	<b>421.063.301.369</b>
			<b>146.049.745.458</b>	<b>146.049.745.458</b>
			<b>66.684.054.827</b>	<b>66.684.054.827</b>
			<b>79.365.690.631</b>	<b>79.365.690.631</b>
			<b>-</b>	<b>-</b>
			<b>365.071.346.158</b>	<b>365.071.346.158</b>
			<b>207.037.350.000</b>	<b>207.037.350.000</b>
			<b>-</b>	<b>-</b>
			<b>207.037.350.000</b>	<b>207.037.350.000</b>
			<b>158.033.996.158</b>	<b>158.033.996.158</b>
			<b>19.425.350.612</b>	<b>19.425.350.612</b>
			<b>-</b>	<b>-</b>
			<b>94.640.645.546</b>	<b>94.640.645.546</b>
			<b>43.968.000.000</b>	<b>43.968.000.000</b>
			<b>511.121.091.616</b>	<b>511.121.091.616</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

**c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả**

	01/01/2020 (VND)		30/06/2020 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	12.579.000.000	12.579.000.000	12.543.000.000	12.543.000.000
NH TMCP Quốc tế - CN Cẩm Phả	3.824.983.717	3.824.983.717	-	-
NH TMCP Ngoại thương - CN Cẩm Phả	106.044.959.240	106.044.959.240	-	-
NH TMCP Á Châu (CN Đông Đô)	9.712.691.334	9.712.691.334	6.475.127.556	6.475.127.556
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	52.928.109.000	52.928.109.000	70.859.979.000	70.859.979.000
<b>Cộng</b>	<b>185.089.743.291</b>	<b>185.089.743.291</b>	<b>89.878.106.556</b>	<b>89.878.106.556</b>
<b>d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính</b>	<b>489.154.112.688</b>	<b>489.154.112.688</b>	<b>511.121.091.616</b>	<b>511.121.091.616</b>
d1 Vay và nợ ngắn hạn ( d1 = a+c)	235.565.819.530	235.565.819.530	235.927.852.014	235.927.852.014
d2 Vay và nợ dài hạn (d2 = b-c)	253.588.293.158	253.588.293.158	275.193.239.602	275.193.239.602

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.11 Phải trả người bán**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>227.315.770.492</b>	<b>227.315.770.492</b>	<b>306.795.461.353</b>	<b>306.795.461.353</b>
Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	6.114.433.221	6.114.433.221	18.361.352.437	18.361.352.437
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu máy Việt Nam	440.569.913	440.569.913	15.675.390.215	15.675.390.215
Công ty Cổ phần Kim khí Thành Đô	5.663.143.248	5.663.143.248	26.589.540.055	26.589.540.055
Công ty Cổ phần Vật tư – TKV - Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	55.626.363.332	55.626.363.332	60.952.116.237	60.952.116.237
Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Cẩm Phả	13.491.391.014	13.491.391.014	11.748.492.714	11.748.492.714
Chi nhánh Công ty TNHH Thiết bị nặng MARUBENI, tại Quảng Ninh	13.962.258.900	13.962.258.900	3.389.867.400	3.389.867.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu than - Vinacomin	16.207.532.000	16.207.532.000	13.116.873.000	13.116.873.000
Phải trả các đối tượng khác	115.810.078.864	115.810.078.864	156.961.829.295	156.961.829.295
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>227.315.770.492</b>	<b>227.315.770.492</b>	<b>306.795.461.353</b>	<b>306.795.461.353</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Phải trả người bán là các bên liên quan: Phụ biểu 03**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2020 (VND)
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	5.860.363.155	72.517.248.586	78.377.611.741	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.410.038.524	2.059.336.759	53.410.038.524	2.059.336.759
Thuế thu nhập cá nhân	421.800.210	1.738.709.800	2.106.264.538	54.245.472
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.360.014.236	2.360.014.236	-
Thuế tài nguyên	20.443.444.176	254.071.548.737	227.642.204.487	46.872.788.426
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.192.509.000	20.292.844.000	19.866.792.000	2.618.561.000
<b>Cộng</b>	<b>82.328.155.065</b>	<b>353.042.702.118</b>	<b>383.765.925.526</b>	<b>51.604.931.657</b>
<b>b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.999.999.999	1.892.873.280	-	2.107.126.719
<b>Cộng</b>	<b>3.999.999.999</b>	<b>1.892.873.280</b>	<b>-</b>	<b>2.107.126.719</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>56.859.347.539</b>	<b>68.805.000</b>
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	20.805.000	20.805.000
Chi phí bốc xúc đất đá tháng 6/2020	5.443.040.305	-
Chi phí chế biến than tháng 6/2020	8.404.893.789	-
Chi phí vận chuyển đất đá tháng 6/2020	42.850.503.441	-
Chi phí khoan đá tháng 6/2020	140.105.004	-
Quy chế phối hợp	-	48.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>56.859.347.539</b>	<b>68.805.000</b>

**5.14 Phải trả khác**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>263.605.789</b>	<b>425.546.747</b>
Kinh phí, Đoàn phí công đoàn	131.281.720	279.480.000
Kinh phí Đảng	30.636.969	107.616.422
Quỹ CBCNV đóng góp	51.975.095	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	49.712.005	38.450.325
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>263.605.789</b>	<b>425.546.747</b>

**5.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>44.130.390.284</b>	<b>44.130.390.284</b>
<b>b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>30/06/2020 (VND)</b>	<b>01/01/2020 (VND)</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	138.436.906.186	370.507.265.270
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	73.585.212.209	73.585.212.209
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(94.873.750.000)	(94.873.750.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay</b>	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	117.148.368.395	349.218.727.479
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.803.455.167	7.803.455.167
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(27.416.985.238)	-	(73.017.978.111)	(100.434.963.349)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	160.000.000.000	(130.000.000)	-	44.783.373.846	51.933.845.451	256.587.219.297

(\*): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017, 2018, 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 23/04/2020 của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (Chi trả cổ tức: 84.800.000.000 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 15.439.963.349 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 195.000.000 đồng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	104.594.040.000	104.594.040.000
Vốn góp của các Cổ đông	55.405.960.000	55.405.960.000
Vốn khác	-	27.416.985.238
<b>Cộng</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>187.416.985.238</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	01/01/2020 – 30/06/2020 (VND)	01/01/2019 – 30/06/2019 (VND)
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	160.000.000.000	160.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>84.800.000.000</b>	<b>64.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**Các quỹ của Công ty**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	44.783.373.846	44.783.373.846
<b>Cộng</b>	<b>44.783.373.846</b>	<b>44.783.373.846</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

*Tài sản thuê ngoài*

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn từ trên 1 năm đến 5 năm	261.866.638.369	261.866.638.369
<b>Cộng</b>	<u><b>261.866.638.369</b></u>	<u><b>261.866.638.369</b></u>

Giá trị của 10 xe ô tô tải tự đổ khung cứng, trọng tải định mức 90-100 tấn thuộc phương án thuê thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019 theo Hợp đồng số 391/HĐ-TNĐM ngày 14/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin và Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Kim khí Thành Đô và Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu thiết bị, đưa vào sử dụng; tổng giá trị tài sản thuê là 261.866.638.369 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.283.040.016.196</b>	<b>1.438.651.835.357</b>
Doanh thu bán hàng	1.279.247.014.765	1.432.590.636.193
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.793.001.431	6.061.199.164

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.212.577.297.239	1.271.934.465.391
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.422.669.850	6.660.707.221
<b>Cộng</b>	<b>1.215.999.967.089</b>	<b>1.278.595.172.612</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền gửi	31.842.246	21.317.182
Lãi ký quỹ môi trường	548.910.518	-
Doanh thu tài chính khác	974.798	-
<b>Cộng</b>	<b>581.727.562</b>	<b>21.317.182</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền vay	23.005.983.498	33.048.590.656
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	-	(3.269.850.000)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.050.828.300)	-
Chi phí tài chính khác	32.952.307	-
<b>Cộng</b>	<b>17.988.107.505</b>	<b>29.778.740.656</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Thu khác	1.338.151.082	2.967.484.328
<b>Cộng</b>	<b>1.338.151.082</b>	<b>2.967.484.328</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Thu bồi thường hao hụt do vận chuyển	-	8.042.590
Các khoản khác	403.051.867	15.360.301
<b>Cộng</b>	<b>403.051.867</b>	<b>23.402.891</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	14.329.224.201	14.486.140.456
Chi phí vật liệu quản lý	3.398.938.552	2.403.633.027
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.145.894.437	2.371.621.952
Thuế phí và lệ phí	4.255.887.516	40.831.833.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.266.893.047	1.695.702.626
Chi phí bằng tiền khác	13.415.912.075	24.327.498.231
<b>Cộng</b>	<b>39.812.749.828</b>	<b>86.116.429.423</b>
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí bán hàng	893.226.625	702.153.214
<b>Cộng</b>	<b>893.226.625</b>	<b>702.153.214</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390.842.392.246	442.328.396.320
Chi phí nhân công	100.286.322.348	86.245.538.277
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.083.566.703	88.013.016.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.032.349.301	377.240.624.461
Chi phí khác bằng tiền	340.819.378.787	784.472.796.812
<b>b. Các khoản ghi giảm chi phí</b>	-	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.396.064.009.385</b>	<b>1.778.300.372.326</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<b>2.059.336.759</b>	<b>9.299.300.192</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.862.791.926	46.424.738.071
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	433.891.867	71.762.891
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Thu nhập tính thuế	10.296.683.793	46.496.500.962
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.059.336.759	9.299.300.192
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.059.336.759</b>	<b>9.299.300.192</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>7.803.455.167</b>	<b>37.125.437.879</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	7.803.455.167	37.125.437.879
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.000.000	16.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>488</b>	<b>2.320</b>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	443.030.280.297
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

**7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	421.063.301.369
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	260.395.218	-	260.395.218
Phải thu khách hàng	151.449.629	-	151.449.629
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	604.500.210	37.451.216.133	38.055.716.343
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.016.345.057</b>	<b>37.451.216.133</b>	<b>38.467.561.190</b>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	235.927.852.014	275.193.239.602	511.121.091.616
Phải trả người bán	227.315.770.492	-	227.315.770.492
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	57.122.953.328	-	57.122.953.328
<b>Tổng cộng</b>	<b>520.366.575.834</b>	<b>275.193.239.602</b>	<b>795.559.815.436</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(519.350.230.777)</b>	<b>(237.742.023.469)</b>	<b>(757.092.254.246)</b>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	644.291.923	-	644.291.923
Phải thu khách hàng	231.178.871.183	-	231.178.871.183
Đầu tư	21.799.000.000	-	21.799.000.000
Phải thu khác	860.754.108	34.343.559.183	35.204.313.291
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	(5.050.828.300)	-	(5.050.828.300)
<b>Tổng cộng</b>	<b>249.432.088.914</b>	<b>34.343.559.183</b>	<b>283.775.648.097</b>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	235.565.819.530	253.588.293.158	489.154.112.688
Phải trả người bán	306.795.461.353	-	306.795.461.353
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	494.351.747	-	494.351.747
<b>Tổng cộng</b>	<b>542.855.632.630</b>	<b>253.588.293.158</b>	<b>796.443.925.788</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(293.423.543.716)</b>	<b>(219.244.733.975)</b>	<b>(512.668.277.691)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	38.207.165.972	266.383.184.474	38.207.165.972	266.383.184.474
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	-	21.799.000.000	-	16.748.171.700
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	260.395.218	644.291.923	260.395.218	644.291.923
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.467.561.190</b>	<b>288.826.476.397</b>	<b>38.467.561.190</b>	<b>283.775.648.097</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	511.121.091.616	489.154.112.688	511.121.091.616	489.154.112.688
<i>Phải trả người bán</i>	227.315.770.492	306.795.461.353	227.315.770.492	306.795.461.353
<i>Phải trả khác</i>	57.122.953.328	494.351.747	57.122.953.328	494.351.747
<b>Tổng cộng</b>	<b>795.559.815.436</b>	<b>796.443.925.788</b>	<b>795.559.815.436</b>	<b>796.443.925.788</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh than (chiếm 99,70% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ tài chính), do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**8.3 Thông tin về các bên có liên quan**

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	65,37%
Các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn	Hà Nội	Cùng Tập đoàn	

Thu nhập trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

	01/01/2020 – 30/06/2020 (VND)	01/01/2019 – 30/06/2019 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	717.527.424	635.040.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	109.680.000	135.960.000
Thù lao và thưởng của Ban kiểm soát	78.840.000	78.840.000
<b>Cộng</b>	<b>906.047.424</b>	<b>849.840.000</b>

Số dư tại ngày 30/06/ 2020 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê vật tư, hàng hóa và dịch vụ bán trong nội bộ Tập đoàn
- Phụ biểu 02: Bảng kê vật tư, hàng hóa và dịch vụ mua trong nội bộ Tập đoàn
- Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8.4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ngày 20/12/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Phương án hợp nhất doanh nghiệp; Hợp đồng hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin thành Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV và thông qua Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV ("Công ty hợp nhất"). Theo đó, Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công ty hợp nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TCS và TND lấy cổ phiếu của Công ty hợp nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Sau hợp nhất, Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác cho Công ty hợp nhất. Công ty đang thực hiện các thủ tục để hợp nhất theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành các thủ tục để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp vào ngày 05/08/2020, cụ thể:

- Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu hoán đổi hợp nhất số 137/GCN-UBCK ngày 10/07/2020;
- Thực hiện đăng ký hủy niêm yết cổ phiếu TND và được chấp thuận hủy đăng ký giao dịch từ ngày 04/08/2020 theo Quyết định số 363/QĐ-SGDHN ngày 17/07/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

Theo đó về bản chất, hoạt động kinh doanh của các công ty có liên quan trước và sau hợp nhất là hoạt động liên tục, và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**ĐÀO THỊ MỸ**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**ĐINH VĂN CHIẾN**

**QUYỀN GIÁM ĐỐC**



**VŨ TRỌNG TUẤN**

**BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ BÁN TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Số lượng	Doanh thu Đơn giá	Giá trị (VNĐ)
A	B	C	1	2	3
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>				<b>1.279.433.377.459</b>
1	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả				29.111.076
	- Điện năng	đồng			29.111.076
2	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin				1.279.247.014.765
	- Than	tấn	1.301.659,73	982.781,43	1.279.247.014.765
3	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV				40.113.920
	- Vật tư (ắc quy)	đồng			40.113.920
4	Công ty Than Khe Châm - TKV				117.137.698
	- Điện năng	đồng			117.137.698
<b>II</b>	<b>Thu nhập khác</b>				<b>1.084.002.400</b>
1	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV				1.084.002.400
	- Vật tư (dầu, bao bì)	đồng			1.084.002.400
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.280.517.379.859</b>

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





TRẦN THỊ LƯƠNG

ĐINH VĂN CHIẾN

VŨ TRỌNG TUẤN

**BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ MUA TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
**Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020**

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Hàng hóa, dịch vụ	Giá trị mua trong năm
A	B	C	D
1	<i>Trong nội bộ Tập đoàn</i>		<b>432.223.724.588</b>
1	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	Vật tư	208.729.015.668
2	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ	Vật tư	635.280.000
3	Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	Dịch vụ	2.557.548.792
4	Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin	Dịch vụ	831.720.645
5	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	Vật tư	32.804.710.000
6	Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Dịch vụ	6.030.716.749
7	Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin		17.957.346.167
		<i>Vật tư</i>	<i>1.550.580.000</i>
		<i>Dịch vụ</i>	<i>16.406.766.167</i>
8	Bệnh viện Than - Khoáng sản	Dịch vụ	649.110.000
9	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	Dịch vụ	2.944.689.415
10	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Vật tư	583.055.000
11	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí Nghiệp thương mại và chuyển giao công nghệ	Vật tư	3.443.700.000
12	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp và xây dựng	Vật tư	3.319.700.000
13	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp thiết kế Than Hòn Gai	Dịch vụ	107.800.000
14	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin		2.971.436.299
		<i>Vật tư</i>	<i>158.675.000</i>
		<i>Dịch vụ</i>	<i>2.812.761.299</i>
15	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Cẩm Phả	Dịch vụ	137.948.089.366
16	Công ty Than Hạ Long - TKV	Dịch vụ	267.870.822
17	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	Dịch vụ	47.094.000
18	Công ty Cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Dịch vụ	10.216.066.032

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ MUA TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Hàng hóa, dịch vụ	Giá trị mua trong năm
19	Công ty Cổ phần Tin học Công nghệ Môi trường - Vinacomin	Dịch vụ	178.775.633
<i>II</i>	<i>Đơn vị liên kết với Tập đoàn</i>		<b>35.771.056.086</b>
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin		26.506.518.000
		Vật tư	24.108.870.000
		Dịch vụ	2.397.648.000
2	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin - Chi nhánh Vân Long	Dịch vụ	9.264.538.086
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>467.994.780.674</b>

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Q. GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HUYỀN TRANG

ĐINH VĂN CHIẾN

VŨ TRỌNG TUẤN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ		
		131	338	331
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU</b>			
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	-	146.730.010	-
1	Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	-	146.730.010	-
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>	-	-	-
	<b>CỘNG</b>	-	146.730.010	-
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ</b>			
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	120.266.288.121	-	114.995.262.122
	<i>Trong nội bộ Tập đoàn</i>	<i>120.266.288.121</i>	-	<i>108.842.232.932</i>
1	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	-	-	55.626.363.332
2	Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin	-	-	293.016.768
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	-	-	16.207.532.000
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	-	-	1.133.854.118
5	Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	-	-	6.114.433.221
6	Công ty Cổ phần Tin học Công nghệ Môi trường - Vinacomin	-	-	196.653.196
7	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	-	-	306.498.950
8	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	-	705.938.475
9	Công ty Cổ phần Vật tư -TKV - Chi nhánh Hà Nội	-	-	143.343.750
10	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	-	-	2.197.484.854
11	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Cẩm Phả	-	-	13.491.391.014
12	Công ty Cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	5.188.144.250
13	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	-	-	8.633.900
14	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp và xây dựng	-	-	2.105.233.433
15	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp thiết kế Than Hòn Gai	-	-	118.580.000
16	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp thương mại và chuyển giao công nghệ	-	-	2.143.020.000
17	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp vận tải, xếp dỡ	-	-	48.808.000
18	Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	-	-	2.813.303.671

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ		
		131	338	331
19	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	120.266.288.121	-	-
	<b>Đơn vị liên kết với Tập đoàn</b>	-	-	<b>6.153.029.190</b>
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	-	-	5.915.943.000
2	Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	-	-	237.086.190
II	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>	-	-	-
	<b>CỘNG</b>	<b>120.266.288.121</b>	<b>-</b>	<b>114.995.262.122</b>

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP

ĐÀO THỊ MY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH VĂN CHIẾN

Q. GIÁM ĐỐC



VŨ TRỌNG TUẤN